

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1094/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Th, sinh năm 1975; Thường trú: Tổ 12, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1982; Thường trú: Tổ 12, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tạm trú: Số 104B/3C, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Anh Lê Văn Th, chị Nguyễn Thị O có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 30/9/2016. Từ khi kết hôn đến khi chị O mang thai bốn tháng, vợ chồng bắt đầu có bất đồng ý kiến và không còn hạnh phúc nữa. Anh Th ra ngoài

kiếm tiền lo cho gia đình nhưng chị O không hiểu cho anh Th nên dẫn đến nhiều lần cãi nhau, đánh nhau. Khoảng cuối năm 2017 hai vợ chồng ly thân, chị O cùng con nhỏ đi khỏi nhà đến thị xã D sinh sống. Nay anh Lê Văn Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 25/6/2017, hiện nay con đang sống chung với chị Nguyễn Thị O. Sau khi ly hôn, anh Lê Văn Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Văn Hoàng A và yêu cầu chị Nguyễn Thị O cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th làm kinh doanh tự do, thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng, có nhà ở, có phòng trọ cho thuê, đủ điều kiện nuôi con. Trong thời gian chị O sống tại D, do chị O giấu địa chỉ nên anh Th không biết nhà vì vậy không thể đến thăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản làm việc, bị đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị O thống nhất với phần trình bày của anh Th về thời gian và nơi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Th thường xuyên uống rượu say rồi về kiếm chuyện đánh đập chị O, ngoài ra có lần anh Th yêu cầu chị O bán căn nhà thuộc sở hữu của chị ở D để cùng về thị xã P sinh sống và làm ăn, tuy nhiên với tính cách của anh Th, chị O không đủ niềm tin, do đó không đồng ý, vợ chồng càng thêm căng thẳng. Khi chị O mang bầu được 04 tháng, chị về nhà ở D sinh sống, trong thời gian này, anh Th có qua lại thăm nom, đến ngày sinh con anh lên đón chị về lại nhà tại P. Đến tháng 8/2017, sau khi sinh con được 02 tháng vì không thể sống cùng anh Th được nữa nên chị đã cùng con nhỏ lên thị xã D, tỉnh Bình Dương để sống tại căn nhà của chị. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị Nguyễn Thị O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn Th.

Về con chung: Thống nhất với phần trình bày của anh Lê Văn Th, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 25/6/2017. Khi ly hôn chị O không đồng ý giao con cho anh Th nuôi dưỡng mà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt thời gian chị O cùng con đi khỏi nhà, anh Th chỉ vài lần điện thoại hỏi thăm con, mặc dù biết nhà mẹ con chị đang ở tại D nhưng anh Th không đến thăm con lần nào, và cũng không gửi tiền chu cấp nuôi con. Chị làm môi giới bất động sản nên thu nhập tương đối ổn định, khoảng 10.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con và có nhiều thời gian chăm sóc con. Hiện nay, chị có cho con đi học tại nhà giữ trẻ trong thời gian chị đi làm để con được chăm sóc và dạy dỗ. Bản thân chị tự nhận có đủ điều kiện cho con cuộc sống vật chất đầy đủ, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/02/2019, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị

O tại địa phương và được cung cấp: Mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không biết rõ do anh chị không yêu cầu địa phương hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra. Hiện nay chị O cùng con không sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Th về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 25/6/2017 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh Lê Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 30/9/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh Lê Văn Th cho rằng từ khi chị O mang thai được bốn tháng, vợ chồng bắt đầu có bất đồng ý kiến và không còn hạnh phúc nữa. Khoảng cuối năm 2017 hai vợ chồng ly thân, chị O cùng con nhỏ đi khỏi nhà đến thị xã D sinh sống. Hiện nay, anh chị không còn tình cảm với nhau. Chị O thừa nhận khi chị mang thai được bốn tháng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cãi nhau dẫn đến chị phải về nhà ở D sinh sống, khi sinh con mới trở về P. Tháng 8/2017, sau khi sinh con được 02 tháng vì không thể sống cùng anh Th được nữa nên chị đã cùng con nhỏ về nhà tại thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ thời điểm đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn.

Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O theo thừa nhận của hai bên thì mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã không còn sống chung từ cuối năm 2017, không còn quan tâm chăm sóc nhau cho đến nay. Bản thân anh chị cũng không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được. Vì vậy, xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung nên yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn Th là có cơ sở phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 25/6/2017. Hiện nay con đang sống cùng chị Nguyễn Thị O. Sau khi ly hôn, anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn Th yêu cầu chị Nguyễn Thị O cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh Lê Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

Khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Anh Th làm kinh doanh tự do và có phòng trọ cho thuê, thu nhập hàng tháng 12.000.000 đồng, chị O làm môi giới bất động sản, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Như vậy, anh chị đều có đủ điều kiện vật chất để chăm lo cho con. Theo như thừa nhận của anh chị, trong thời gian chị O cùng con sống tại thị xã D, anh Th không đến thăm con. Anh Th cho rằng anh chỉ biết chị O đang sống tại thị xã D, vì chị O giấu địa chỉ không cho anh biết chỗ ở cụ thể nên anh không thể đến thăm con. Tuy nhiên, chị O trình bày, ngôi nhà chị ở tại thị xã D là nhà của chị mua từ trước và trước đây trong thời gian chị mang thai về đây sống anh Th cũng có lên xuống thăm nom nhiều lần. Mặc dù anh Th biết địa chỉ nhà nhưng anh không đến thăm và chu cấp tiền nuôi con. Bên cạnh đó, cháu Lê Văn Hoàng A chưa đủ 36 tháng tuổi, còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, thực tế cháu cũng đang sống cùng mẹ, được cho đi học và nhận được sự nuôi dưỡng của mẹ. Từ những nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”*, có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị O về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Lê Văn Hoàng A. Ghi nhận sự tự nguyện của chị O về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Th đối với chị Nguyễn Thị O về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

- Về con chung: Buộc anh Lê Văn Th giao con chung tên Lê Văn Hoàng A, sinh ngày 25/6/2017 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh Lê Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị O đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Văn Th lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị O nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003821, ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh Lê Văn Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Dung